| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: **108**/2024/QĐ-PQTT | *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 6 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH
# VỀ VIỆC HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Với Hội đồng xét đơn yêu cầu gồm có***:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên họp**: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung**.

Các Thẩm phán: Ông Đào Quốc Thịnh.

Bà Phùng Thị Như Mai.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Đức Vũ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Huỳnh Thị Kim Tuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 08/5/2024, ngày 11/6/2024, ngày 14/6/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự thụ lý số 38/2024/KDTM-ST ngày 20/02/2024 về việc: "Yêu cầu hủy phán quyết trọng tài" theo Quyết định mở phiên họp số 1850/2024/QĐ-MPH ngày 23/4/2024.

1. Người yêu cầu: **Bà Đoàn Phương L**; địa chỉ: Số A đường Q, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Công ty R3**; địa chỉ: Vistra Corporate Services Centre Wickhams C, R, T, VG1110, British V.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lương Văn T1; địa chỉ: P, Tầng B, Trung tâm Thương mại S1, Số C đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (theo T2 chỉ định luật sư ngày 07/3/2024). Ông Lương Văn T1 có mặt tại phiên họp xét đơn ngày 11/6/2024 nhưng vắng mặt tại phiên họp xét đơn ngày 14/6/2024.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thanh C; địa chỉ: P, Tầng B, Trung tâm Thương mại S1, Số C đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ

Chí Minh (theo Thư chỉ định và ủy quyền ngày 07/3/2024). Ông Phạm Thanh C vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Minh T3; địa chỉ: P, Tầng B, Trung tâm Thương mại S1, Số C đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Thư chỉ định và ủy quyền ngày 07/3/2024). Ông Dương Minh T3 có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Sơn H; địa chỉ: P, Tầng B, Trung tâm Thương mại S1, Số C đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Thư chỉ định và ủy quyền ngày 16/5/2024). Ông Nguyễn Sơn H có mặt tại phiên họp xét đơn ngày 11/6/2024 nhưng vắng mặt tại phiên họp xét đơn ngày 14/6/2024.

2.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ông Walter August B;** địa chỉ: A N, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Walter August B vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đoàn Phương L; địa chỉ: Số A đường Q, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 11/3/2024 được công chứng tại Văn phòng C3 ngày 11/3/2024). Bà Đoàn Phương L có mặt.

Các đương sự có mặt tại phiên họp.

## NHẬN THẤY:

***Theo đơn yêu cầu ngày 01/02/2024 của người yêu cầu là bà Đoàn Phương L trình bày như sau*:**

Bà Đoàn Phương L yêu cầu hủy phán quyết trọng tài cho vụ tranh chấp số 161/22 HCM được lập vào ngày 08/01/2024 của V1 (Trung tâm T9) với những lý do cụ thể như sau:

1. VIAC không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp do không có thoả thuận trọng tài

1.1. Theo Hồ sơ khởi kiện của Nguyên đơn, Nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu sau đây để chứng minh cho sự tồn tại của thỏa thuận trọng tài và thỏa thuận trọng tài là hợp pháp:

+ "Thỏa Thuận Bảo Lãnh Cá Nhân" (P) được cho đã ký kết ngày 17/12/2019 giữa Nguyên đơn và các Bị đơn;

+ Vi bằng về các email để trích xuất file "Thỏa Thuận Bảo Lãnh Cá Nhân" nêu trên.

- Theo ý kiến của Nguyên đơn và Vi bằng mà đại diện của Nguyên đơn đã nộp (Tài liệu "Trả lời Phản đối Thẩm quyền Trọng tài" – Response to Challenges to jurisdiction), Nguyên đơn cho rằng:

+ Ngày 12/12/2019, Nguyên đơn đã gửi email dự thảo Hợp đồng cho vay, hợp đồng bổ sung, bảo lãnh doanh nghiệp và bảo lãnh cá nhân và ngày 13/12/2019, ông Matthew W1 "xác nhận đã nhận được các dự thảo văn bản đó".

+ Ngày 14/12/2019, "ông Matthew W1 đã gửi các trang có chữ ký cho phần lớn các văn bản (bao gồm chữ ký trong bảo lãnh cá nhân) và chữ ký của Nguyên đơn và Bị đơn (ông W)".

+ Ngày 16/12/2019, Nguyên đơn cũng gửi Hợp đồng cho vay và hợp đồng bổ sung được cập nhật; và ông Matthew W1 xác nhận đã nhận được và giới thiệu Chung T4 là cố vấn nội bộ của ông W.

+ Ngày 19/12/2019, ông C2 gửi 12 bản hồ sơ giao dịch có chữ ký, trong đó có Bảo lãnh cá nhân có chữ ký bằng mực ướt của Bị đơn (ông W và bà L) và ông C2.

1.2. Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ tranh chấp, Nguyên đơn hoàn toàn không cung cấp được bất kỳ bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp nào về tài liệu "Thỏa Thuận Bảo Lãnh Cá Nhân" (P) được cho đã ký kết ngày 17/12/2019 mà trong đó được coi là có bao gồm Thỏa thuận trọng tài giữa Nguyên đơn và Bị đơn. Tài liệu này chỉ đơn thuần là bản in, sao chụp bởi chính Nguyên đơn.

1.3. Tại thời điểm khởi kiện, Nguyên đơn không cung cấp nguồn gốc các tài liệu chứng cứ về các tài liệu Nguyên đơn đã nộp (Thỏa Thuận Bảo Lãnh Cá Nhân, Thỏa Thuận vay,..) mà chỉ cung cấp bản in trong khi bà L và ông W không lưu giữ các tài liệu này. Bà L và ông W cũng không được nhận qua email các tài liệu này. Do đó, bà L và ông W đã phản đối giá trị chứng cứ của các tài liệu này vì không rõ nguồn gốc của các tài liệu này. Sau khi có phản đối của bà L và ông W, Nguyên đơn mới cung cấp vi bằng các email trên. Tuy nhiên, đối với các tài liệu được dẫn chiếu qua email mà Nguyên đơn có lập vi bằng để cho rằng có tồn tại thỏa thuận trọng tài theo Điều 16.2.a của Luật Trọng tài thương mại và Luật Giao dịch điện tử thì cũng không chứng minh được các email của bà L và ông W – trong các giao dịch. Không có bất kỳ email nào của bà Đoàn Phương L trong các giao dịch giữa các bên thể hiện sự đàm phán và đồng ý của bà L trong các giao dịch cũng như việc xác lập thỏa thuận trọng tài.

1.4. Như Nguyên đơn đã đề cập, Nguyên đơn cho rằng các email được gửi bởi ông Matthew W1, ông C2. Theo hồ sơ, không có chứng cứ cho thấy những người này (ông Matthew W1, ông C2) được ủy quyền, có thẩm quyền nhân danh bà L và ông W để xác lập thỏa thuận trọng tài giữa Nguyên đơn và Bị đơn, đặc biệt là đối với bà L. Như tài liệu của Nguyên đơn đã thể hiện (cũng như lời khai của Người làm chứng là ông Matthew W1), "Chung T4 là cố vấn nội bộ của ông W", ông C2 không phải là người đại diện cho bà L và càng không có thẩm quyền trong việc xác nhận giao dịch hay xác lập thỏa thuận trọng tài nhân danh tôi. Hội đồng trọng tài cũng không làm rõ vấn đề này trong Phán quyết mà vẫn xác định bà L và ông W có xác lập thỏa thuận trọng tài với Nguyên đơn là không phù hợp.

1.5. Ngoài ra, trong suốt quá trình tố tụng trọng tài, bà L cũng đã nhiều lần phản đối về thẩm quyền giải quyết trọng tài của VIAC thể hiện qua các Bản tự bảo vệ ngày 08/03/2023 và ngày 17/03/2023; Bản phản đối thẩm quyền trọng tài ngày 15/06/2023; Bản nêu ý kiến và yêu cầu của Bị đơn ngày 15/08/2023 và trong tố tụng trọng tài, hơn nữa vào ngày 04/01/2024 một lần nữa bà L đã gửi văn bản khiếu nại về thẩm quyền đến VIAC và được VIAC nhận vào ngày 05/01/2024 theo thông báo số 69/VIAC –HCM ngày 08/01/2024 nhưng không được VIAC giải quyết. Bản tự bảo vệ của bà L và ông W cũng đã được gửi đúng thời hạn, được gia hạn đúng quy định của VIAC theo thông báo số 228/VIAC – HCM ngày 13/02/2023 nên không bị mất quyền phản đối như trong phán quyết nhận định.

1.6. Như vậy, không có thỏa thuận trọng tài hợp pháp, có hiệu lực giữa Nguyên đơn và Bị đơn, đặc biệt là không có thỏa thuận trọng tài giữa Nguyên đơn (R&R F) với bà Đoàn Phương L.

1.7. Do đó, theo khoản 1 Điều 5 Luật Trọng tài thương mại, trọng tài không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo Đơn khởi kiện của Nguyên đơn và căn cứ theo điểm a khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại 2010 và điểm a khoản 2 Điều 14 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP, Phán quyết Trọng tài cần được hủy để xét xử lại theo tố tụng tòa án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

2. Thủ tục tố tụng trọng tài trái với quy định của Luật Trọng tài thương mại năm 2010

2.1. Thủ tục khởi kiện của Nguyên đơn không đảm bảo về việc ủy quyền

Trong quá trình tố tụng trọng tài, Bị đơn đã phản đối, khiếu nại về vi phạm liên quan đến thủ tục tố tụng trọng tài về tư cách khởi kiện và tham gia tố

tụng của đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn. Theo hồ sơ khởi kiện của Nguyên đơn, Đơn khởi kiện được ký và nộp bởi ông Phạm Thanh C – thuộc Công ty L4 – Chi nhánh Thành phố H. Tuy nhiên, bà L cho rằng việc ủy quyền này là không phù hợp và do vậy Nguyên đơn không đủ tư cách khởi kiện. Cụ thể, theo hồ sơ:

- Nguyên đơn (R&R F) được đại diện bởi bà Mabel M, Giám đốc. Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 19/10/2022, R&R Fitness Hodings L1 đã chỉ định ông Randy Gene D làm đại diện theo ủy quyền giải quyết tranh chấp và tham gia tố tụng.

- Theo Giấy ủy quyền ngày 19/10/2022, ông Randy Gene D ủy quyền lại cho Công ty L4 – Chi nhánh Thành phố H (sau đây gọi là L5 Chi nhánh T) để giải quyết tranh chấp và tham gia tố tụng.

- Ngày 19/12/2022, Công ty L4 – Chi nhánh Thành phố H chỉ định và ủy quyền lại cho ông Phạm Thanh C (và 02 nhân sự khác là ông Dương Minh T3, ông Nguyễn Anh H1) tham gia tố tụng tại Trọng tài (V1).

Bà L và ông W cho rằng và thực tế đã phản đối tại Trọng tài về việc ủy quyền nêu trên là không phù hợp vì khoản 1 Điều 138 Bộ luật Dân sự 2015 của Việt Nam quy định "Cá nhân, pháp nhân có thể uỷ quyền cho cá nhân, pháp nhân khác xác lập, thực hiện giao dịch dân sự". Việc ủy quyền phải cho cá nhân hoặc pháp nhân nhưng Nguyên đơn không ủy quyền cho pháp nhân mà ủy quyền cho Chi nhánh của Công ty L4 và Chi nhánh Công ty luật tiếp tục ủy quyền lại (chỉ định) cho nhân sự tham gia tố tụng trọng tài cũng như ký tên trên Đơn khởi kiện là không phù hợp. Nói cách khác, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn ký tên trên đơn khởi kiện và tham gia tố tụng trọng tài trong vụ tranh chấp trên tại V1 là không đủ thẩm quyền. Do đó, việc khởi kiện là không phù hợp, không có căn cứ để trọng tài và Hội đồng trọng tài thụ lý, giải quyết.

2.2 Từ các cơ sở và phân tích nêu trên, căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 và điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP, Phán quyết Trọng tài cần được hủy để xét xử lại theo tố tụng tòa án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

3. Phán quyết trọng tài có nội dung không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài

Tại mục 4.3.1.1.5 của Phán quyết trọng tài, Hội đồng trọng tài nhận định: "4.3.1.1.5. Sau khi xem xét các bằng chứng và lập luận mà Nguyên đơn đưa ra trước đó, Hội đồng trọng tài nhận thấy rằng Churchill đã vi phạm Hợp đồng cho

vay về việc thanh toán khoản nợ tồn đọng dẫn đến Nghĩa vụ bảo lãnh của Bị đơn theo Bảo lãnh cá nhân. Hội đồng trọng tài kết luận rằng Bị đơn có trách nhiệm hoàn trả số nợ còn tồn đọng của 2.050.000 USD cho Nguyên đơn". Dựa vào hồ sơ Nguyên đơn cung cấp trong Vụ tranh chấp số 161/HCM thì tại Điều 6 Hợp đồng vay ký giữa Công ty R3 và Công ty C4 vào ngày 17/12/2019 có quy định: "Nếu có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng vay này, bao gồm bất kỳ câu hỏi nào liên quan đến sự tồn tại, hiệu lực hoặc chấm dứt của Hợp đồng này, sẽ được chuyển đến và cuối cùng được giải quyết bằng trọng tài tại Singapore theo Quy tắc Trọng tài của Trung tâm T10 ("Quy tắc SIAC")". Việc Hội đồng trọng tài V1 nhận định rằng C4 đã vi phạm Hợp đồng vay về việc thanh toán khoản nợ tồn đọng là không tôn trọng pháp luật Singapore, không đúng với quy định trong Hợp đồng vay giữa các bên đã thỏa thuận. Đối với Hợp đồng vay thì nếu xảy ra tranh chấp thì thẩm quyền giải quyết phải là Trung tâm T11 và chủ thể liên quan là Nguyên đơn (Công ty R3) và Công ty C4. Do đó, việc nhận định của Hội đồng trọng tài VIAC trong phần nội dung này là vượt quá thẩm quyền giải quyết. Căn cứ Điểm c khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 và điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP, Phán quyết Trọng tài cần được hủy để xét xử lại theo tố tụng tòa án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

4. Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam

Căn cứ Khoản 4 Điều 11 Luật Phí và lệ phí năm 2015 và Khoản 4 Điều 3 Nghị định 120/2016/NĐ-CP quy định thì phí và lệ phí thu tại Việt Nam phải bằng đồng Việt Nam. Tuy nhiên, tại mục 4.3.1.2 của Phán quyết Trọng tài ngày 08/01/2024 thì Nguyên đơn nộp chi phí trọng tài bằng USD và V1 cũng thu và nhận phí trọng tài bằng USD. Vì vậy, việc nộp phí của Nguyên đơn và thu phí của V1 bằng tiền USD là trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Ngoài ra, bà L cho rằng Hội đồng trọng tài cũng đã không khách quan khi đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ vụ tranh chấp. Điều này là vi phạm nguyên tắc tại khoản 2 Điều 4 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 (Trọng tài viên phải độc lập, khách quan, vô tư và tuân theo quy định của pháp luật).

Căn cứ Điểm đ khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 và điểm đ khoản 2 Điều 14 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP, Phán quyết Trọng tài cần được hủy để xét xử lại theo tố tụng tòa án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty R3 trình bày như sau:***

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty R3 đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà Đoàn Phương L với những lý do cụ thể như sau:

1. Đối với luận điểm về VIAC không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp

Công ty C4 phản bác toàn bộ các lập luận trên. Cụ thể, Công ty C4 đã cung cấp chuỗi thư điện tử thể hiện quá trình đàm phán và ký kết Hợp đồng Bảo lãnh cá nhân (trong đó có quy định rõ về thỏa thuận trọng tài) và cũng đã cung cấp vi bằng xác nhận nội dung các thư điện tử này. Đồng thời, Công ty C4 cũng đã trình bày rằng:

a. Vợ chồng ông W và bà L có quan điểm về sự tồn tại của Hợp đồng Bảo lãnh cá nhân một cách không thống nhất. Theo đó, vợ chồng ông W và bà L thừa nhận sự việc này trong Bản tự bảo vệ nhưng lại phủ nhận toàn bộ kể từ khi ông Kiều Anh V – luật sư của vợ chồng ông W và bà L tham gia vụ việc.

b. Việc vợ chồng ông W và bà L, đại diện theo ủy quyền (bà Nguyễn Thị T5) và luật sư của vợ chồng ông W và bà L (ông Kiều Anh V) phủ nhận các sự thật này (bao gồm việc phủ nhận sự tồn tại của Hợp đồng Bảo lãnh cá nhân) để trốn tránh trách nhiệm trả nợ đã có dấu hiệu của tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, và cần cơ quan điều tra vào cuộc. Do đó, Công ty C4 đã nêu ý kiến yêu cầu V1 chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra (Phòng Cảnh sát kinh tế - PC03) theo Điều 5, Điều 145 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm c Khoản 1 Điều 18, Điều 20 của Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự vì việc vợ chồng ông W và bà L chối bỏ trách nhiệm khi cam kết bảo lãnh để C4 ký hợp đồng vay ban đầu có khả năng cấu thành tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

c. Liên quan đến việc khẳng định tranh chấp tại Hợp đồng Bảo lãnh cá nhân phát sinh từ Hợp đồng vay nên Trung tâm T10 có thẩm quyền giải quyết, Công ty C4 nhấn mạnh rằng Hợp đồng Bảo lãnh cá nhân và Hợp đồng vay có hiệu lực pháp lý độc lập theo khoản 2 Điều 407 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 29 của Nghị định số 21/2021/NĐ-CP (Đoạn 47 của Đơn khởi kiện). Đồng thời, Công ty C4 cũng nêu rằng các quy định trong Hợp đồng Bảo lãnh cá nhân (Khoản 1 Điều 2, Khoản 3 Điều 3) cũng thể hiện tính độc lập của Hợp đồng Bảo lãnh cá nhân với Hợp đồng vay (Đoạn 41-46 của Đơn khởi kiện) nên Hội đồng trọng tài có thẩm quyền giải quyết vụ việc này.

d. Như vậy, Công ty C4 đã cung cấp được Hợp đồng Bảo lãnh cá nhân, các tài liệu, chứng cứ khác. Công ty C4 cũng đã làm rõ nguồn gốc, truy xuất của các tài liệu, chứng cứ này. Bà L có thể không được gửi cùng (CC) trong chuỗi email trao đổi giữa các bên, nhưng bà L có ký tên xác nhận vào phần ký tên của

các tài liệu, hợp đồng. Điều này đã thể hiện rất đầy đủ ý chí về sự đồng ý của bà L đối với giao dịch, Hợp đồng Bảo lãnh cá nhân cũng như các tài liệu khác. Nếu bà L không thừa nhận chữ ký của mình trong Hợp đồng Bảo lãnh cá nhân cũng như các tài liệu khác thì điều này phải được hiểu là bà L đang chối bỏ các hợp đồng, thỏa thuận này và cần phải chuyển hồ sơ, đề nghị khởi tố vụ án hình sự vì có dấu hiệu của tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

đ. Có thể bà L không được cùng trong chuỗi email trao đổi giữa các bên, nhưng việc bà L ký tên vào các hợp đồng, tài liệu liên quan đến giao dịch vay, giao dịch bảo đảm thực hiện nghĩa vụ là sự thật và sự thật này không thể chối cãi bằng bằng chứng là chữ ký của bà L tại phần ký tên của các tài liệu này. Việc ký tên này cũng thể hiện sự đồng ý của bà L đối với việc giao kết các hợp đồng, thỏa thuận mà đặc biệt là Hợp đồng Bảo lãnh cá nhân. Vấn đề đặt ra là tại sao bà L có thể ký tên vào Hợp đồng Bảo lãnh doanh nghiệp, Hợp đồng Thế chấp phần vốp góp nhưng lại chối bỏ về việc biết được, nhận thức được Hợp đồng Bảo lãnh cá nhân trong khi các tài liệu này đều trong cùng một kiện tài liệu cho giao dịch vay, giao dịch bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Đó là chưa kể, phần nội dung của các hợp đồng, tài liệu này đều ghi là gửi cho bà Đoàn Phương L.

e. Với tư cách là vợ của ông W, người ở cùng một nhà với ông W, và còn là người quản lý, người đại diện theo pháp luật của VTA, S, đồng thời ký tên vào Hợp đồng Bảo lãnh doanh nghiệp, Hợp đồng Thế chấp phần vốn góp để đại diện cho các công ty này và các hợp đồng này đều trong cùng một kiện hợp đồng trong giao dịch vay, giao dịch bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, nhưng bà L lại bảo không biết và chối bỏ Hợp đồng Bảo lãnh cá nhân là một điều hết sức vô lý. Trong khi đó, theo một số thông tin công khai, bà L xuất hiện với tư cách là một nữ doanh nhân giỏi và thành công trong hoạt động kinh doanh, quản lý doanh nghiệp. Theo đó, việc chối bỏ Hợp đồng Bảo lãnh cá nhân là một sự trắng trợn, ngang nhiên trong việc phủ nhận những sự thật rất hiển nhiên chỉ để trốn tránh nghĩa vụ bảo lãnh của chính mình và trả nợ cho Công ty mà mình sở hữu của bà L. Điều này sẽ dẫn đến hậu quả là giúp Công ty C4 trực tiếp chiếm đoạt tài sản và giúp bà Ly gián T6 chiếm đoạt tài sản của Công ty C4.

f. Đáng nói hơn là bà L không chỉ nhận được thông tin về Hợp đồng Bảo lãnh cá nhân trong Vụ Trọng tài này mà trước đây bà L còn được gửi các Thông Báo Sự Kiện Vi Phạm (D) đề ngày 22/12/2020, Thư Cảnh Báo (W) đề ngày 03/11/2021, thông tin về việc C1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng vay. Nếu bà L thật sự không liên quan, thì tại sao bà L lại không gửi bất kỳ phản

hồi nào đến C4 để thông tin rằng bà L không liên quan gì cả, bà L cũng không biết Hợp đồng Bảo lãnh cá nhân, nên đừng gửi bất kỳ văn bản nào cho bà ấy.

g. Mặc dù vợ chồng ông W và bà L khẳng định là không biết, nhưng trong Bản tự bảo vệ đề ngày 08 tháng 3 năm 2023, vợ chồng ông W và bà L đã thể hiện ý chí ngược lại là vợ chồng ông W và bà L vẫn hành xử và tuân theo như thể là Hợp đồng Bảo lãnh cá nhân có hiệu lực khi không phản đối về sự tồn tại của thỏa thuận trọng tài mà vợ chồng ông W và bà L còn tranh luận về trung tâm trọng tài giải quyết tranh chấp trong thỏa thuận trọng tài: cụ thể: Tại Mục I của Bản tự bảo vệ, vợ chồng ông W và bà L còn thừa nhận rằng: "Phần mở đầu của Hợp Đồng Bảo Lãnh Cá Nhân đó là Hợp Đồng Vay được ký giữa R & R và C5 vào ngày 17 tháng 12 năm 2019.". Vợ chồng ông W và bà L còn phản đối VIAC là nơi giải quyết tranh chấp trong vụ trọng tài này vì lý do Thư Thỏa Thuận Chọn Trung Tâm Trọng Tài ký bởi ông Trần Minh T7 là trong vụ việc cũ, và không còn hiệu lực trong vụ này vì ông Trần Minh T7 không còn là đại diện theo ủy quyền của R & R trong vụ này (Mục I của Bản Tự Bảo Vệ đề ngày 08/3/2023).

Từ các căn cứ trên có thể thấy rằng, việc phủ nhận sự tồn tại của Hợp đồng Bảo lãnh cá nhân và thỏa thuận trọng tài trong đó là sai sự thật, cũng như mâu thuẫn với tất cả nội dung trước đó đã tranh luận và khẳng định bởi vợ chồng ông W và bà L.

2. Đối với luận điểm về việc thủ tục tố tụng trọng tài không hợp lệ

Công ty C4 đã nộp bản sao của bản hợp pháp hóa lãnh sự của giấy ủy quyền cho Hội đồng Trọng tài và Công ty C4 cũng nêu rõ rằng sẽ trình diện bản gốc cho Hội đồng Trọng tài theo yêu cầu của Hội đồng Trọng tài (Mục 5 Bản Phản Hồi đề ngày 10 tháng 5 năm 2023 ("Bản Phản Hồi 10/5/2023"), Công ty C4 còn nêu rõ tại Mục III.3 của Bản Phản Hồi đối với Thư Phản Đ Thẩm Quyền đề ngày 21/08/2023 ("Bản Phản Hồi 21/8/2023") và trong phiên họp như sau:

a. Các giấy ủy quyền của Công ty C4 cho Lexcomm thể hiện ý chí thực sự của Công ty C4 về việc ủy quyền cho L2 tham gia vụ việc (Giấy Ủy quyền của Công ty C4 cho Lexcomm đề ngày 19 tháng 10 năm 2022 ("Giấy Ủy Quyền của R & R") và Giấy Chỉ định của L2 đề ngày 19 tháng 12 năm 2022).

b. Tài liệu T2 Xác nhận đề ngày 10 tháng 05 năm 2023 ("Thư Xác Nhận") đã xác nhận việc các giấy ủy quyền phản ánh đúng ý chí của Công ty C4 ủy quyền cho L2. C4 cũng đã thừa nhận việc ủy quyền cho L2 và nhân sự của L2 và chưa bao giờ phản đối bất cứ vấn đề nào liên quan đến việc ủy quyền cho L2 hay nhân sự của L2 (bao gồm nhân sự của chi nhánh L5).

c. Ngoài ra, chính vợ chồng ông W và bà L cũng nêu rằng: "Chúng tôi đã cung cấp Giấy ủy quyền: Số 050623/POA-BWA-KAV và số 050623/POA-DPL-KAV ngày 05 tháng 6 năm 2023. Mặc dù các văn bản này không được công chứng nhưng không có yêu cầu bắt buộc phải công chứng Giấy ủy quyền. Giấy ủy quyền đó là hợp pháp và hợp lệ, chúng tôi không cần cung cấp Giấy ủy quyền có công chứng theo yêu cầu của VIAC theo công văn số 1192/VIAC-HCM ngày 23/06/2023." để nói rằng giấy ủy quyền dù không được công chứng vẫn có hiệu lực pháp lý (Đoạn 6 của Ý kiến và Yêu cầu của vợ chồng ông W và bà L đề ngày 15 tháng 8 năm 2023).

d. Như vậy, ông W và bà L cũng đang bị mâu thuẫn với chính mình trong quan điểm về tính hợp lệ của giấy ủy quyền, và mặc dù không vi phạm quy định pháp luật, Công ty C4 cũng vẫn đã nộp đầy đủ cho Hội đồng Trọng tài ngay từ ban đầu. Đây rõ ràng là một hành vi nhằm cản trở tố tụng mà ông W và bà L đã liên tục thực hiện trong xuyên suốt quá trình tố tụng trọng tài trong vụ việc này.

e. Giấy ủy quyền của Công ty C4 là giấy ủy quyền hợp lệ vì ủy quyền cho L2 chứ không phải chi nhánh L5, vì:

i. Giấy ủy quyền này ghi nhận thông tin đầy đủ của L2, theo đó ghi nhận L2 là pháp nhân.

ii. Việc ghi thêm thông tin của chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh chỉ là một sự thể hiện ý chí của Công ty C4 rằng Công ty C4 đồng ý và mong muốn Lexcomm chỉ định nhân sự của chi nhánh của L2 tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia giải quyết vụ tranh chấp vì địa điểm giải quyết tranh chấp trong vụ việc này là tại Thành phố Hồ Chí Minh.

f. Công ty C4 cũng muốn nói thêm rằng, ngoài việc Công ty C4 đã ủy quyền cho L2, chứ không phải chi nhánh L5 như trình bày trên, thì trên thông lệ thị trường, vẫn có nhiều hợp đồng được ký giữa các đối tác và chi nhánh của công ty, và thực tế, quy định về kế toán cũng cho phép chi nhánh có tài khoản ngân hàng và tài khoản thuế độc lập. Quan trọng hơn, điều này đã được Luật sư Kiều A V thừa nhận trong phiên họp và được ghi nhận trong Phán quyết VIAC (Đoạn 3.2.3.3, Đoạn 3.2.3.4 của Phán quyết VIAC).

g. Cuối cùng, việc Người yêu cầu cho rằng việc ký Đơn khởi kiện bởi ông Phạm Thanh C không phù hợp theo quy định của Điều 30 của Luật Trọng tài thương mại là một vấn đề mới mà Người yêu cầu nêu ra chỉ tại Yêu cầu hủy phán quyết. Theo đó, Người yêu cầu đã mất quyền phản đối theo Điều 13 của Luật Trọng tài thương mại. Đồng thời, ông Phạm Thanh C cũng có quyền ký

Đơn khởi kiện như đã phân tích trên. Vì vậy, lý do này là không có cơ sở để chấp nhận.

3. Đối với luận điểm Hội đồng Trọng tài không khách quan khi đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ của Vụ Tranh chấp, không thể hiện sự bình đẳng, dẫn đến vi phạm quy định của Điều 4, Khoản 2 của Luật Trọng tài thương mại

a. Thứ nhất, ngay tại Phần I, Mục 1.2, đoạn đầu tiên của Phán quyết VIAC, Hội đồng Trọng tài đã nêu rõ để thuận tiện cho việc tham chiếu, các tài liệu được đính kèm/kèm theo các đệ trình này sẽ không được dẫn đề cập trong Phán quyết VIAC, mặc dù chúng đã được Hội đồng Trọng tài xem xét cẩn thận. Đồng thời, với cách tiếp cận một cách thận trọng, Hội đồng Trọng tài đã tóm tắt lại các trình bày, yêu cầu của các bên tại Phần III của Phán quyết V1. Theo đó, Phán quyết V1 đã cho thấy Hội đồng Trọng tài đã xem xét rất kỹ các tài liệu, thông tin mà các bên đệ trình, nên sẽ không có việc bỏ sót bất kỳ tài liệu, thông tin nào.

b. Thứ hai, Hội đồng Trọng tài đã xem xét một cách cụ thể, kỹ lưỡng, toàn diện và đầy đủ các yêu cầu của các bị đơn (bao gồm Người yêu cầu). Cụ thể, Hội đồng Trọng tài đã xem xét (i) yêu cầu về thẩm quyền, (ii) yêu cầu về việc đề cử, chỉ định trọng tài viên, (iii) yêu cầu về giấy ủy quyền, (iv) yêu cầu tuyên bà L không phải là Bị Đ1. Hội đồng Trọng tài đã phân tích từng yêu cầu, từng vấn đề và để rồi kết luận rằng các yêu cầu, các vấn đề mà các bị đơn nêu ra chỉ là những vấn đề, yêu cầu chiến thuật mà không phản ánh thực tế, và các yêu cầu, vấn đề này cũng thiếu trung thực và không có căn cứ để chấp nhận.

c. Thứ ba, trong toàn bộ quá trình tranh chấp, Hội đồng Trọng tài đã tạo rất nhiều cơ hội để cho các bị đơn trình bày, thậm chí đã gia hạn cho Các Bị Đơn nhiều lần để có đầy đủ thời gian, cơ hội trình bày (ví dụ: gia hạn thời gian để nộp bản tự bảo vệ theo Thông báo số 228/VIAC-HCM đề ngày 13/02/2023, Thông báo hoãn phiên xử theo yêu cầu của các bị đơn số 1864/VIAC-HCM đề ngày 23/08/2023). Thậm chí, ngay cả khi các bị đơn cố tình nại ra lý do về việc Nguyên đơn đã đề xuất trọng tài viên trong vụ tranh chấp trước đây và là thành viên của Hội đồng Trọng tài trong Vụ Trọng tài này để cho rằng việc chỉ định Hội đồng Trọng tài có vấn đề và đánh vào uy tín để làm giảm sự tin cậy của Hội đồng Trọng tài thì Hội đồng Trọng tài vẫn khách quan, bình đẳng và đầy sự hỗ trợ để tạo rất nhiều cơ hội cho các bị đơn trình bày; xem xét các yêu cầu, vấn đề (bao gồm cả yêu cầu xin hoãn) của các bị đơn và sẵn sàn chấp nhận các yêu cầu, vấn đề này nếu như có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý. Đó là chưa kể, Hội đồng Trọng tài còn tạo cơ hội cho các bị đơn nộp thêm tài liệu sau phiên họp cuối

cùng để chứng minh rằng bên vay đã thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng vay và vì vậy nghĩa vụ bảo đảm của các bị đơn chưa được kích hoạt. Tuy nhiên, các bị đơn đã không thể nộp được các tài liệu này.

d. Thứ tư, chính các bị đơn mới là bên thiếu trung thực trong Vụ Trọng tài. Để trốn tránh thực hiện nghĩa vụ và chiếm đoạt khoản vay, tiền lãi và các khoản tiền khác theo Hợp Đồng vay, Hợp đồng Bảo lãnh cá nhân, các bị đơn đã thay đổi quan điểm liên tục trong quá trình của Vụ Trọng tài. Ban đầu các bị đơn đã chấp nhận và dựa vào Hợp đồng vay, Hợp đồng Bảo lãnh cá nhân để trình bày các lập luận của mình. Sau đó, các bị đơn mà đặc biệt là bà L đã từ chối các hợp đồng, thỏa thuận này. Sau đó nữa, tại phiên họp giải quyết tranh chấp, khi nghe và nhận thức được trách nhiệm hình sự liên quan đến hành vi chối bỏ các hợp đồng, thỏa thuận là rất nặng nề, các bị đơn đã thừa nhận các hợp đồng, thỏa thuận này. Quan trọng không kém, Người yêu cầu cho rằng Hội đồng Trọng tài đã không khách quan khi đánh giá chứng cứ, nhưng Người yêu cầu đã không thể nộp bất kỳ chứng cứ nào cho Hội đồng Trọng tài trong suốt quá trình của Vụ Trọng tài và cũng không thể chỉ ra được Hội đồng Trọng tài đã không khách quan khi xem xét chứng cứ nào. Trong khi đó, Hội đồng Trọng tài luôn tạo mọi cơ hội có thể để cho các bị đơn trình bày, cung cấp các tài liệu chứng cứ.

Như vậy, Hội đồng Trọng tài đã khách quan, bình đẳng khi đánh giá chứng cứ, yêu cầu và vấn đề mà các bên trong Vụ Trọng tài nêu ra. Theo đó, không có cơ sở thực tế để cho rằng đã có sự vi phạm quy định tại Điều 4, Khoản 2 của Luật Trọng tài thương mại – "Trọng tài viên phải độc lập, khách quan, vô tư và tuân theo quy định của pháp luật.".

Ngoài ra, còn các chứng khác thể hiện sự tồn tại của hợp đồng bảo lãnh.

a. Vào ngày 18/12/2019 (01 ngày sau khi ký kết Hợp đồng vay và Hợp đồng Thế chấp phần vốn góp), C1 và S đã nộp phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng với các nội dung đúng như theo quy định của Hợp đồng Thế chấp phần vốn góp và đã nhận Văn bản Chứng nhận Đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng vào cùng ngày.

b. Vào thời điểm ký kết Hợp đồng Bảo lãnh doanh nghiệp (ngày 17/9/2019), bà L là người đại diện theo pháp luật của VTA (với chức danh là chủ tịch hội đồng quản trị). Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của VTA, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 11/12/2017 thể hiện rõ rằng bà L là người đại diện theo pháp luật với chức danh là Chủ tịch hội đồng quản trị của công ty. Căn cứ theo Báo cáo tổng hợp về lịch sử đăng ký doanh nghiệp trong 03 năm, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chỉ mới được đăng ký thay đổi

lần thứ 4 vào ngày 17 tháng 01 năm 2024, và với nội dung thay đổi là thay đổi về địa chỉ và thông tin về thuế. Do đó, trong khoảng thời gian từ ngày 11 tháng 12 năm 2017 đến ngày ký kết Hợp Đồng Bảo Lãnh Doanh Nghiệp, không có sự thay đổi gì đối với người đại diện theo pháp luật của VTA và do đó một sự thật không thể chối cãi là bà L chính là người đại diện theo pháp luật của VTA vào thời điểm ký kết hợp đồng này. Bà L (đại diện cho V2) đã thừa nhận và đồng ý đối với toàn bộ nội dung của Hợp Đồng Bảo Lãnh Doanh Nghiệp này bằng việc ký tên vào trang ký của hợp đồng và sử dụng con dấu công ty của VTA để đóng dấu lên phần chữ ký. Như vậy, có thể khẳng định một sự thật không thể chối cãi là Bà L đã biết, hiểu rõ và thừa nhận toàn bộ các nội dung và vấn đề đề cập trong hợp đồng.

c. Ngày 17/12/2019, VTA đã tổ chức họp đại hội đồng cổ đông nhằm (i) công bố và xác nhận với Công ty C4 rằng VTA thừa nhận sự tồn tại và hiệu lực của Hợp đồng vay (Churchill vay C4) và (ii) thông qua Hợp đồng Bảo lãnh doanh nghiệp. Kết quả của cuộc họp là VTA đã thừa nhận sự tồn tại của Hợp đồng vay và đồng thời thông qua Hợp đồng Bảo lãnh doanh nghiệp bảo lãnh cho nghĩa vụ của C1 tại Hợp đồng vay nêu trên. Căn cứ vào Nghị quyết của Đ2 của VTA ngày 17/12/2019 và Biên bản họp hội đồng cổ đông của VTA vào cùng ngày. Tại biên bản họp và cả nghị quyết cổ đông thì bà L đều thay mặt và đại diện ký thay mặt công ty. Đối với nghị quyết cổ đông thì ký với tư cách là chủ tịch hội đồng quản trị và biên bản họp là chủ tọa.

5. Phán Quyết VIAC không vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam: Công ty C4 là một pháp nhân nước ngoài (Quần đảo Virgin thuộc A) không có hiện diện thương mại tại Việt Nam và C4 thực hiện quyền khởi kiện bằng chính tư cách của mình. Do đó, đây là một giao dịch xuyên biên giới giữa một người cư trú (V1) và người không cư trú (C4) theo quy định của Pháp lệnh Ngoại hối 2005 (sửa đổi, bổ sung). Theo quy định tại Điều 28 của Luật Trọng tài thương mại, Trung tâm trọng tài có quyền "cung cấp dịch vụ trọng tài, hoà giải và các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại khác theo quy định của pháp luật" và "thu phí trọng tài và các khoản hợp pháp khác có liên quan đến hoạt động trọng tài". Theo đó, hoạt động cung cấp dịch vụ trọng tài cho các bên trong Vụ Trọng tài là hoạt động cung cấp dịch vụ xuyên biên giới cho doanh nghiệp nước ngoài (Nguyên Đơn là Công ty C4 trong Vụ Trọng tài), cụ thể trong trường hợp này, V1 có nguồn thu ngoại tệ từ việc xuất khẩu dịch vụ theo Điều 7, Khoản 1 và Điều 7, Khoản 2 của Pháp lệnh Ngoại hối 2005, được hướng dẫn bởi Điều 5 của Nghị định số 70/2014/NĐ-CP.

6. Đối với vấn đề Phán quyết VIAC có nội dung không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài

6.1. Tại Mục 3 của Yêu cầu hủy phán quyết, Người yêu cầu trích dẫn Đoạn 4.3.1.1.5 của Phán quyết VIAC nêu ra đánh giá của Hội đồng Trọng tài về một tình tiết thực tế là C1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán để từ đó đưa đến sự kích hoạt nghĩa vụ bảo lãnh theo Hợp đồng Bảo lãnh cá nhân, để cho rằng Phán quyết VIAC thuộc Điểm c, Khoản 2, Điều 68 của Luật Trọng tài thương mại – "Vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài" và vì vậy cần bị hủy. Đây là nhận định không có cơ sở thực tế và thể hiện sự thiếu hiểu biết cũng như việc viện dẫn một cách vô tội vạ các cơ sở pháp lý liên quan đến việc hủy phán quyết trọng tài theo tiêu chí "thà viện dẫn nhầm còn hơn bỏ sót" của Người yêu cầu.

6.2. Theo Luật Trọng tài thương mại, Quy tắc VIAC, Hội đồng Trọng tài có quyền làm sáng tỏ các vấn đề có liên quan đến Vụ Trọng tài. Trong Vụ Trọng tài này, có một vấn đề hết sức cốt lõi mà bất kỳ người có kiến thức, tư duy, hiểu biết thông thường nào cũng biết rằng cần phải làm sáng tỏ, đó là, C1 (bên vay) có vi phạm nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng Vay hay không. Theo đó và rất hiển nhiên, Hội đồng Trọng tài phải xem xét, xác định về vấn đề này. Vì lẽ đó, Phán quyết VIAC có nội dung nhận định của Hội đồng Trọng tài về việc Churchill vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng vay là phù hợp và trong thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài.

6.3. Công ty C4 cũng xin lưu ý rằng việc xác định có vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng vay không phải là việc giải quyết tranh chấp, vấn đề phát sinh theo Hợp đồng vay mà là việc làm sáng tỏ các tình tiết thực tế của Vụ Tranh chấp. Trong toàn bộ Phán quyết VIAC, không hề có một đoạn nào giải quyết các vấn đề của Hợp đồng vay. Hợp đồng vay hoàn toàn bám theo và căn cứ vào Hợp đồng Bảo lãnh cá nhân, các tài liệu chứng cứ có liên quan đến giải quyết các yêu cầu của các bên và Hợp đồng Bảo lãnh cá nhân cũng độc lập về mặt pháp lý với Hợp đồng vay như đã trình bày, phân tích trên.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Walter August B trình bày như sau:*** Ông thống nhất với các ý kiến của bà Đoàn Phương L và ông đề nghị hủy phán quyết trọng tài trên.

**Tại phiên họp hôm nay:**

Người yêu cầu vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:**

Qua kiểm sát vụ việc từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ việc, Tòa án có quyết định mở phiên họp và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng mở phiên họp: Tại phiên họp hôm nay, phiên họp tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Không có cơ sở chấp nhận yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của bà Đoàn Phương L

## XÉT THẤY:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết*: Đây là việc dân sự về yêu cầu kinh doanh thương mại liên quan đến việc Trọng tài thương mại Việt Nam giải quyết tranh chấp, nơi Hội đồng trọng tài tuyên phán quyết trọng tài là Thành phố Hồ Chí Minh, do đó, căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 31, Điểm b Khoản 1 Điều 37, Điểm o Khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2, Khoản 3 Điều 7 Luật Trọng tài thương mại năm 2010, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thời hiệu*: Ngày 08/01/2024 là ngày công bố Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 161/22 HCM. Ngày 01/02/2024, bà Đoàn Phương L nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy phán quyết trọng tài là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Trọng tài Thương mại.

[3] *Về nội dung*: Xét người yêu cầu của bà Đoàn Phương L đề nghị hủy Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 161/22 HCM ngày 08/01/2024 vì cho rằng: Phán quyết này vi phạm thủ tục tố tụng trọng tài và trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam và vi phạm tố tụng trọng tài. Đây là những vấn đề cần xem xét.

[3.1] Xét thấy: Tại phiên họp, bà Đoàn Phương L cho rằng VIAC không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp do các bên không có thỏa thuận trọng tài. Cụ thể, các chứng cứ mà phía Công ty R&R nộp cho VIAC chỉ là bản sao, không

có email nào thể hiện bà thừa nhận sự tồn tại của hợp đồng bảo lãnh, tại phiên họp trọng tài bà đã phản đối thẩm quyền trọng tài nhưng không được giải quyết.

[3.2] Hội đồng xét đơn đã tạm dừng phiên họp để phía Công ty R4 nộp chứng cứ cũng như thu thập chứng cứ từ phía V1. Xét thấy các chứng cứ mà phía Công ty R4 nộp cho tòa là những bản chính tài liệu lập vi bằng của Văn phòng T12 lập, các bản dịch được công chứng. Tại phiên họp, Hội đồng xét đơn đã nhiều lần hỏi bà Đoàn Phương L về việc có cần biết, sao chụp các tài liệu mà phía Công ty R&R nộp không, bà L trả lời không cần vì những tài liệu này bà đã được cung cấp tại V1 và bà đã phủ nhận tính pháp lý của các tài liệu này.

[3.3] Xét thấy, tại phiên họp, bà Đoàn Phương L cũng trình bày, địa chỉ email mà ông Water B1 sử dụng là địa chỉ: W.Blocker@VNtrack.vnTheo bộ V3 lập thì trong nội dung trao đổi qua lại thư điện tử giữa các bên cho thấy sự tồn tại của hợp đồng bảo lãnh, cụ thể trang 12 của bản sao Hợp đồng Bảo lãnh cá nhân có đầy đủ chữ ký của Bà Đoàn Phương L, ông W với tư cách là bên bảo lãnh và ông Trần Viết C2 với tư cách là người làm chứng. Trang chữ ký này đã được ông Matthew W1 (cố vấn tài chính cho C1 trong giao dịch vay) gửi bằng email cho bà Nguyễn Thu T8 (email: nguyenthuthaoftu@gmail.com), luật sư của C4 (email: counsel@arcwarden.com), ông W (email: walter.blocker@vntrade.vn), ông Trần Viết C2 (TranViet.Chung@vntrade.vn) vào ngày 14/12/2019 như được thể hiện tại trang 36-37 và 40 của Vi bằng số 425/2023/VB-TPL đề ngày 25/08/2023. Hợp đồng chứa trang chữ ký này sau đó cũng được ông Trần Viết C2 gửi bằng email cho luật sư của Công ty C4 vào địa chỉ email counsel@arcwarden.com và đồng thời gửi tới ông R1 (đại diện của C4), ông W, bà Nguyễn Thu T8, và ông Matthew Allan W1 vào ngày 19/12/2019 như được thể hiện tại trang 88-89, 106 của Vi bằng. Đồng thời, tại các trang 5-7 (nêu về việc các điều kiện chính để ký kết khoản vay, trong đó có bảo lãnh cá nhân), 15-20 (nêu về việc gửi các bản dự thảo cho các hợp đồng, trong đó có hợp đồng bảo lãnh cá nhân), 36-42 (về việc gửi các trang có chữ ký của ông W và bà L cho việc ký kết các hợp đồng này), 72-77 (về việc gửi các chấp thuận nội bộ của VTA cho việc bảo lãnh doanh nghiệp và được ký bởi bà L), 88-99 (về việc ông C2 gửi các hợp đồng và các tài liệu liên quan có chữ ký của bà L và ông W cho C4), 105-108 (về việc R & R gửi lại các hợp đồng có chữ ký của Công ty C4, trong đó có Hợp đồng Bảo lãnh Cá nhân) của Vi bằng, việc trao đổi qua lại bằng email và xác nhận việc ký kết hợp đồng cũng đã được thể hiện rõ theo đúng quy định tại Điều 4.12, 10, 11, 12, 13 và Điều 14 của Luật Giao dịch điện tử 2005.

[3.4] Ngoài ra, phía Công ty R3 còn nộp cho Tòa án Biên bản họp cổ đông của Công ty L6 đề ngày 17/12/2019 do bà Đoàn Phương L chủ tọa, ông Trần Viết C2 là thư ký, Nghị quyết đề ngày 17/12/2019 của VTA do Bà L ký với tư cách Chủ tịch Hội đồng Quản trị vào ngày 18/12/201 được thể hiện qua trang 88-89 và 97-98 của Vi bằng.

[3.5] Bên cạnh đó, trong Bản tự Bảo vệ ngày 31/03/2022 trong vụ trọng tài 144/21, bà L và ông W cũng đã xác nhận sự tồn tại của Hợp đồng Bảo lãnh cá nhân và thẩm quyền của V1 khi nêu rõ rằng: "Sau khi được Trung tâm T10 phán quyết và các cơ quan nhà nước có liên quan nếu Churchill Downs Holdings L3 không trả được nợ thì các cá nhân/tổ chức đã ký hợp đồng bảo lãnh mà xảy ra tranh chấp trong thỏa thuận bảo lãnh này thì hồ sơ vụ án có thể xem xét để Trung tâm T9 giải quyết theo sự thỏa thuận giữa các bên.".

[3.6] Xét thấy tại Điều 17.1 của Hợp đồng Bảo lãnh cá nhân đã nêu rõ: "Bất kỳ tranh chấp phát sinh hoặc liên quan đến Hợp đồng này, bao gồm bất kỳ câu hỏi nào liên quan đến sự tồn tại, tính hợp lệ hoặc chấm dứt của Hợp đồng, sẽ được đưa ra và giải quyết cuối cùng bằng trọng tài tại Việt Nam theo Quy Tắc T của Trung tâm T9 ("Quy Tắc VIAC") hiện hành, quy tắc này coi như được tham chiếu trong điều khoản này.". Như vậy, VIAC có thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp giữa Công ty C4 với bà L và ông W như đã thể hiện trong Phán quyết của vụ trọng tài 161/22 HCM lập vào ngày 08/01/2024.

[3.7] Lý do  Phán quyết Trọng tài có nội dung vi phạm điều cấm của pháp luật Việt Nam là thu phí trọng tài bằng ngoại tệ là trái với quy định của pháp luật Việt Nam, cụ thể là trái với Pháp lệnh ngoại hối năm 2005.

Xét thấy: Hợp đồng giữa Công ty R3 là doanh nghiệp của Anh với ông W và bà L đã thỏa thuận bảo lãnh cho khoản vay bằng USD. Khi xảy ra tranh chấp, Công ty R3 khởi kiện tại trọng tài nên Trung tâm trọng tài yêu cầu nguyên đơn phải nộp lệ phí trọng tài bằng ngoài ngoại tệ là phù hợp, không trái với quy định của Pháp lệnh ngoại hối năm 2005. Do Công ty R3 thắng kiện nên Trung tâm trọng tài buộc bà L phải hoàn trả lại phí trọng tài mà Công ty R3 đã nộp bằng ngoại tệ là phù hợp do Công ty R3 có trụ sở tại Anh, không phải là doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam thì không thể quy đổi ra tiền Việt như ý kiến của bà L. Do đó, lý do này của bà Đoàn Phương L nêu ra không có căn cứ để chấp nhận.

[3.8] Đối với lý do yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài vi phạm về VIAC vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thụ lý đơn khởi kiện.

Xét Công ty R3 ủy quyền cho ông Phạm Thanh C là không hợp lệ để tham gia tố tụng trong vụ tranh chấp với bà Đoàn Phương L. Do đó, VIAC thụ lý Đơn khởi kiện của Công ty R3 do ông Phạm Thanh C ký với tư cách đại diện theo ủy quyền là trái quy định của Luật Trọng tài thương mại và Quy tắc VIAC. Nhận thấy ngày 19/10/2022 tại Công ty R3 có Giấy ủy quyền chỉ định Công ty L7 được quyền chuẩn bị, đệ trình, gửi hoặc chuyển và/hoặc nhận bất kỳ và tất cả các đơn, tài liệu, giấy tờ, đệ trình, các yêu cầu, thông báo và các nội dung trao đổi khác liên quan đến bất kỳ vấn đề về thủ tục và/hoặc nội dung nào cần thiết hoặc được phép hoặc theo yêu cầu của Tòa án có thẩm quyền, V1, hội đồng trọng tài, Viện kiểm sát có thẩm quyền, cơ quan thi hành án..., chỉ định các luật sư, người bảo vệ quyền,  lợi ích hợp pháp của Công ty trong các vụ tranh chấp, ủy quyền lại, chỉ định cho bất kỳ cá nhân nào khác để thực hiện các hành động, công việc được liệt kê như trên liên quan đến giải quyết tranh chấp liên quan đến Hợp đồng Bảo lãnh cá nhân ngày 17/12/2019 giữa R2 với ông W, bà Phương L. Công ty L7 được quyền ủy quyền lại cho người khác. Sau đó, Công ty L7 có giấy ủy quyền để ủy quyền lại cho ông Phạm Thanh C để làm đại diện theo ủy quyền để thay mặt và đại diện cho Công ty R3 trong vụ tranh chấp với bà Đoàn Phương L. Việc ủy quyền đã được chứng nhận và Hợp pháp hóa lãnh sự sự vào ngày 09/12/2022 tại Đ3 tại C Singapore. Công ty L5 ủy quyền cho ông Phạm Thanh C khởi kiện tại Trung tâm trọng tài là phù hợp với ý chí cùng Giấy ủy quyền ngày 19/10/2022 của Công ty R3. Do đó, ông Phạm Thanh C đã được ủy quyền hợp lệ để đại diện Công ty R3 thực hiện các thủ tục khởi kiện tại trọng tài là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.9] Các căn cứ khác yêu cầu hủy phán quyết trọng tài mà bà Đoàn Phương L nêu ra, xét thấy không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3.10] Tại phiên họp hôm nay, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu về việc hủy phán quyết trọng tài, đề nghị phù hợp với nhận định của hội đồng xét đơn nên được ghi nhận.

[3.11] Từ những nhận định trên, có cơ sở không chấp nhận yêu cầu của của bà Đoàn Phương L về việc Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 161/22 HCM ngày 08/01/2024 của Trung tâm T9 bên cạnh Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam – V1.

[4] *Về lệ phí*: Căn cứ Khoản 3 Điều 39 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành thì trường hợp yêu cầu hủy phán quyết trọng tài phải chịu lệ phí Tòa án. Tuy nhiên,

trong phần danh mục lệ phí Tòa án thì lại không quy định rõ đối với loại việc yêu cầu hủy phán quyết trọng tài lệ phí là bao nhiêu. Vì vậy, bà Đoàn Phương L không phải chịu lệ phí.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ Khoản 2 Điều 31, Điểm a Khoản 3 Điều 38, Khoản 3 Điều 414 và Điều 415 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 43, Điều 68, Khoản 1 Điều 69, Điều 71, Điều 72 Luật Trọng tài thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài Thương mại.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đoàn Phương L về việc hủy Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 161/22 HCM ngày 08/01/2024 của Trung tâm T9 bên cạnh Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam – V1.

2. Bà Đoàn Phương L không phải chịu lệ phí.

3. Quyết định này là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, tức ngày 14/6/2024. Các bên, Hội đồng Trọng tài không có quyền khiếu nại, kháng cáo, Viện Kiểm sát không có quyền kháng nghị.

**HỘI ĐỒNG XÉT ĐƠN YÊU CẦU**

**CÁC THẨM PHÁN** **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Đào Quốc Thịnh** **Phùng Thị Như Mai** **Nguyễn Thị Thùy Dung**